

Tài nguyên thực vật làm thuốc tại khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, tỉnh Cà Mau

Phạm Trọng Duy¹, Phạm Thị Thanh Mai^{2*}

¹Sinh viên Khoa Sư phạm Khoa học tự nhiên, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

²Khoa Sư phạm Khoa học tự nhiên, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

*pttmai@dtthu.edu.vn

Tóm tắt

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá tài nguyên thực vật làm thuốc tại Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, tỉnh Cà Mau làm cơ sở khoa học cho việc khai thác, sử dụng, quản lý và bảo tồn nguồn tài nguyên thực vật làm thuốc ở nơi đây có hiệu quả. Kết quả nghiên cứu đã xác định được 135 loài thực vật làm thuốc, 115 chi, 64 họ, 47 bộ thuộc 4 ngành: ngành Dương xỉ (Polypodiophyta), ngành Thông (Pinophyta), ngành Tuế (Cycadophyta) và ngành Ngọc lan (Magnoliophyta). Dạng sống hệ thực vật nơi đây có 5 nhóm chính với phổ dạng sống SB = 59,26 Ph + 8,15 Ch + 4,44 Hm + 8,89 Cr + 19,26 Th. Giá trị sử dụng thực vật làm thuốc được ghi nhận có 10 nhóm công dụng với 135 loài được sử dụng làm thuốc, xếp thứ 2 với 98 loài làm cảnh và thứ ba với 47 loài cây ăn được. Các loài thực vật làm thuốc nơi đây được chia thành 8 bộ phận sử dụng (lá là bộ phận sử dụng nhiều nhất với 83 loài) và có 16 nhóm công dụng chữa trị (55 loài công dụng chữa bệnh về đường tiêu hóa, 50 loài chữa bệnh ngoài da, 40 loài chữa bệnh cảm sốt, cảm cúm, nhức đầu).

© 2025 Journal of Science and Technology - NTTU

Nhận 05/08/2025
Được duyệt 23/08/2025
Công bố 28/09/2025

Từ khóa
Cà Mau, dạng sống, đa dạng, Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, thực vật làm thuốc.

1. Đặt vấn đề

Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh (KTN HCM) là khu di tích lịch sử, văn hóa và chính trị quan trọng tại tỉnh Cà Mau [1] và là địa chỉ về nguồn lịch sử, du lịch sinh thái, giáo dục bảo vệ môi trường và bảo vệ tài nguyên thực vật. Khu tưởng niệm với đa dạng các loài thực vật tạo nên cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, trong lành và là “lá phổi xanh” của thành phố Cà Mau giúp thanh lọc không khí, điều hòa khí hậu trước những tác động của biến đổi khí hậu. Các loài thực vật nơi đây ngoài công dụng làm cảnh trang trí, còn được dùng làm rau ăn, lấy quả và làm thuốc,...

Việc nghiên cứu tài nguyên thực vật làm thuốc tại 6 khu vực trong KTN HCM có tổng diện tích 60700 m² với tọa độ địa lý 9°11'32" vĩ Bắc; 105°07'50" kinh Đông [2] là cấp thiết giúp xác định thành phần loài thực vật làm thuốc, đánh giá sự đa dạng và bảo tồn các loài cây thuốc, đồng thời nâng cao nhận thức cộng đồng về việc quản lý, bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên. Từ đó, nghiên cứu “Tài nguyên thực vật làm thuốc tại KTN HCM, tỉnh Cà Mau” đánh giá chi tiết sự đa dạng về thành phần loài thực vật, dạng sống, công dụng, nhóm bệnh chữa trị, bộ phận sử dụng,... Việc đánh giá thành phần loài thực vật làm thuốc trong khu tưởng niệm là rất cần thiết nhằm phục vụ công tác quản lý, khai thác cảnh quan, khai thác du lịch sinh thái, công tác chăm sóc bảo

tồn các loài quý hoặc đặc trưng hoặc có giá trị lịch sử, văn hóa. Ngoài ra, còn cung cấp cơ sở khoa học phục vụ người dân, sinh viên, học sinh tham quan nghiên cứu và học tập, góp phần bảo tồn tài nguyên cây thuốc, đa dạng sinh học, bảo tồn môi trường sinh thái và phát triển nông nghiệp bền vững.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Các loài thực vật có mạch làm thuốc mọc tự nhiên và được trồng tại KTN HCM, tỉnh Cà Mau.

2.2. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết

Thu thập thông tin và kế thừa có chọn lọc các tài liệu có liên quan đến vấn đề nghiên cứu, vận dụng vào phân tích, biện luận kết quả nghiên cứu về tài nguyên thực vật có mạch làm thuốc tại KTN HCM, tỉnh Cà Mau.

2.3. Phương pháp nghiên cứu thực địa

Tiến hành 3 đợt khảo sát thực địa để quan sát, nhận dạng, mô tả, ghi chép về tên địa phương, phân tích đặc điểm sinh học của các loài thực vật làm thuốc và chụp ảnh mẫu, sinh cảnh nhằm đánh giá tài nguyên thực vật làm thuốc tại KTN HCM tại 6 địa điểm: khu vực bãi đậu xe và nhà chờ, nhà trưng bày và chiếu phim, nhà bia đá chủ quyền biển đảo, nhà sàn Bác Hồ, Hồ sen, gian thờ Bác Hồ (Bảng 1) theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn (2008) [6] và Nguyễn Lâm Hùng Sơn (2025) [5].

Bảng 1 Các khu vực nghiên cứu thực địa

TT	Khu vực	Tọa độ
1	Ven khu vực bãi đậu xe và nhà chờ	9°11'07.4"N 105°08'15.4"E
2	Nhà trưng bày và chiếu phim	9°11'07.0"N 105°08'12.3"E
3	Nhà bia đá chủ quyền biển đảo	9°11'06.1"N, 105°08'11.2"E
4	Nhà sàn Bác Hồ	9°11'06.1"N 105°08'09.5"E
5	Hồ sen	9°11'04.2"N 105°08'07.9"E
6	Gian thờ Bác Hồ	9°11'02.0"N 105°08'06.1"E

2.4 Phương pháp xác định tên khoa học và xây dựng danh lục thành phần loài

Phương pháp xác định và cập nhật tên khoa học các loài thực vật làm thuốc tại KTN HCM dựa vào phương pháp hình thái so sánh và các tài liệu:

- *Từ điển thực vật thông dụng*, tập 1, 2, Võ Văn Chi (2003-2004) [11].
- Sách tra cứu tên cây cỏ Việt Nam, Võ Văn Chi (2007) [10].
- *Danh lục cây thuốc Việt Nam*, Viện Dược liệu (2016) [8].
- *Các loài cây Việt Nam*, Võ Văn Chi (2023) [9].
- Plant of the World Online. (2025). <https://powo.science.kew.org/> [7].

Phương pháp xây dựng Danh lục thành phần loài thực vật làm thuốc ở KTN HCM: phân chia các ngành thực vật làm thuốc theo hệ thống phân loại của APG IV (2016) [1]. Tên khoa học các loài trong một họ được sắp

Bảng 2 Sự phân bố taxon trong các ngành

Ngành	Lớp		Bộ		Họ		Chi		Loài	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Polypodiophyta	1	20	3	6,38	4	6,25	4	3,48	4	2,96
Pinophyta	1	20	2	4,26	3	4,69	2	1,74	3	2,22
Cycadophyta	1	20	1	2,13	1	1,56	1	0,87	1	0,74
Magnoliophyta	2	40	41	87,23	56	87,50	108	93,91	127	94,07
Tổng	5	100	47	100	64	100	115	100	135	100

Chú thích: SL: Số lượng

Từ Bảng 2 cho thấy phần lớn các taxon tập trung trong ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) với 127 loài (chiếm 94,07 %), ngành đa dạng, phong phú, phổ biến nhất và chiếm ưu thế so với các ngành còn lại và thể hiện tính chất nhiệt đới của hệ thực vật nơi đây. Các đại diện thuộc ngành Ngọc lan hay Thực vật Hạt kín có khả năng thích ứng rộng như Sứ ngọc lan (*Magnolia × alba* DC.), Chua me đất hoa vàng (*Oxalis corniculata* L.), Ly nhện xanh (*Hymenocallis speciosa* Salisb.),..., nên thích

xếp theo abc.

2.5 Phương pháp đánh giá đa dạng về dạng sống

Dạng sống thể hiện bản chất sinh thái của thực vật trong khu hệ thực vật. Phổ dạng sống là đặc trưng về bản chất sinh thái của hệ thực vật. Đánh giá dạng sống thực vật làm thuốc tại KTN HCM theo hệ thống phân loại dạng sống của Nguyễn Nghĩa Thìn (2008) [6].

2.6 Phương pháp đánh giá giá trị sử dụng thực vật làm thuốc

Việc phân chia và xác định công dụng, bộ phận sử dụng, nhóm bệnh chữa trị của thực vật làm thuốc tại KTN HCM dựa vào các tài liệu như:

- *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Đỗ Tất Lợi (2011) [4].
- *Danh lục cây thuốc Việt Nam*, Viện Dược liệu (2016) [8].
- *Từ điển thực vật thông dụng*, tập 1, 2, Võ Văn Chi (2003-2004) [12].
- *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, Võ Văn Chi (2012) [11].
- Thông tư số 13/2024/TT-BYT (26/08/2024) của Bộ Y tế ban hành Danh mục dược liệu độc làm thuốc [3].

3 Kết quả nghiên cứu

3.1 Đa dạng phân loại thực vật làm thuốc ở KTN HCM

Qua nghiên cứu tài nguyên thực vật làm thuốc tại KTN HCM đã xác định được 135 loài thuộc 115 chi, 64 họ, 47 bộ và 4 ngành: ngành Dương xỉ (Polypodiophyta), ngành Thông (Pinophyta), ngành Tuế (Cycadophyta) và ngành Ngọc lan (Magnoliophyta).

Hệ thực vật làm thuốc tại KTN HCM rất phong phú và đa dạng với 135 loài phân bố taxon trong 4 ngành, số liệu thể hiện ở Bảng 2.

ngihtốt với điều kiện sinh thái tại vùng đất phèn nhiễm mặn Cà Mau trong hệ sinh cảnh ở khu tường niệm.

Đa dạng về họ được thể hiện qua 10 họ phong phú nhất (theo số loài), số liệu ghi nhận ở Bảng 3.

Bảng 3 Các họ đa dạng nhất của hệ thực vật làm thuốc tại KTN HCM

TT	Họ	Số loài	Tỷ lệ %
1	Apocynaceae	9	6,67
2	Asteraceae	9	6,67

TT	Họ	Số loài	Tỷ lệ %
3	Poaceae	8	5,93
4	Arecaceae	6	4,44
5	Moraceae	6	4,44
6	Cyperaceae	5	3,70
7	Euphorbiaceae	5	3,70
8	Fabaceae	5	3,70
9	Rutaceae	5	3,70
10	Rubiaceae	4	2,96
Tổng		62	45,93

Kết quả từ Bảng 3 đã xác định hai họ đa dạng nhất là họ Trúc đào (Apocynaceae) và họ Cúc (Asteraceae) với 9 loài/ họ; xếp thứ hai là họ Hòa thảo (Poaceae) có 8 loài; thứ ba là hai họ Cau (Arecaceae) và Dâu tằm (Moraceae) có 6 loài/ họ; kế tiếp là 4 họ có 5 loài/ họ: họ Cam (Rutaceae) và sau cùng là họ Cà phê (Rubiaceae) với 4 loài. Tổng 10 họ này có 62/135 loài (chiếm khoảng 45,93 % tổng số loài). Các họ đứng đầu đều là những họ lớn, đóng góp quan trọng vào tính đa dạng của hệ thực vật làm thuốc nơi đây.

Đa dạng thực vật ở bậc chi được thể hiện ở tỷ lệ của các chi giàu loài nhất. Trong số 115 chi thực vật làm thuốc thống kê được tại KTN HCM có 3 chi đa dạng có 3-6 loài, trong đó chi *Ficus* (họ Moraceae) chiếm ưu thế nhất với 6 loài chiếm 4,44 %/ tổng số loài như Bồ đề (*Ficus religiosa* Forssk.), Sanh (*Ficus benjamina* L.), Đa búp đỏ (*Ficus elastica* Roxb. ex Horn.), Gừa (*Ficus microcarpa* L. f.),...; kế tiếp là 2 chi có 3 loài: *Ipomoea* (họ Convolvulaceae) và *Cyperus* (họ Cyperaceae).

3.2 Đa dạng về dạng sống

Dựa vào hệ thống phân chia dạng sống của Nguyễn Nghĩa Thìn (2008) [6] đã đánh giá được sự đa dạng về dạng sống của thực vật làm thuốc ở KTN HCM với 5 nhóm dạng sống chính, số liệu thể hiện ở Bảng 4.

Bảng 4 Dạng sống các loài thực vật làm thuốc ở KTN HCM

Dạng sống	Ký hiệu	Số loài	Tỷ lệ %
1. Cây có chồi trên mặt đất	Ph	80	59,26
1.1. Cây có chồi trên lớn	Mg	12	8,89
1.2. Cây có chồi trên vừa	Me	21	15,56
1.3. Cây có chồi trên nhỏ	Mi	23	17,04
1.4. Cây chồi trên dây leo	Lp	11	8,15
1.5. Cây có chồi trên sống nhờ và sống bám	Ep	1	0,74
1.6. Cây có chồi trên lùn	Na	5	3,70

Dạng sống	Ký hiệu	Số loài	Tỷ lệ %
1.7. Cây có chồi trên thân thảo sống lâu năm	Hp	6	4,44
1.8. Cây có chồi trên mọng nước	Sp	1	0,74
2. Cây có chồi sát mặt đất	Ch	11	8,15
3. Cây có chồi nửa ẩn	Hm	6	4,44
4. Cây có chồi ẩn	Cr	12	8,89
5. Cây có chồi một năm	Th	26	19,26
Tổng cộng		135	100

Trên cơ sở dữ liệu nghiên cứu và Bảng 4 đã xây dựng phổ dạng sống (Biological Spectrum-SB) thực vật làm thuốc ở KTN HCM như sau:

$$SB = 59,26 Ph + 8,15 Ch + 4,44 Hm + 8,89 Cr + 19,26 Th$$

Từ Bảng 4 và phổ dạng sống cho thấy nhóm cây có chồi trên mặt đất (Ph) chiếm ưu thế với 80 loài; tiếp theo là nhóm cây có chồi một năm (Th) với 26 loài; nhóm cây có chồi sát mặt đất (Ch) có 11 loài; nhóm cây có chồi ẩn (Cr) 12 loài và nhóm cây có chồi nửa ẩn (Hm) 6 loài. Kết quả phổ dạng sống này thể hiện tính chất khí hậu nhiệt đới nóng ẩm và phản ánh điều kiện khí hậu khô hạn, khắc nghiệt vào mùa khô của vùng đất chua phèn nhiễm mặn tại KTN HCM, tỉnh Cà Mau.

Trong nhóm cây chồi trên mặt đất (Ph) nhận thấy các nhóm nhỏ phân bố rất không đồng đều nhau, cụ thể nhóm cây có chồi trên nhỏ (Mi) có 23 loài, nhóm cây có chồi trên vừa (Me) 21 loài, nhóm cây có chồi trên lớn (Mg) 12 loài, nhóm cây chồi trên dây leo (Lp) 11 loài, nhóm cây có chồi trên thân thảo sống lâu năm (Hp) 6 loài.

3.3 Đa dạng về giá trị tài nguyên thực vật

Trên cơ sở dữ liệu nghiên cứu, đã tiến hành đánh giá về giá trị tài nguyên thực vật dựa vào các tài liệu của Đỗ Tất Lợi (2011) [4], Viện Dược liệu (2016) [8], Võ Văn Chi (2012) [11], đã phân chia thành 10 nhóm theo mục đích sử dụng của 135 loài thực vật làm thuốc, kết quả được trình bày trong Bảng 5.

Bảng 5 Giá trị sử dụng của thực vật làm thuốc ở KTN HCM

STT	Giá trị sử dụng	Số loài	Tỷ lệ %
1	Cây làm thuốc (M)	135	100
2	Cây làm cảnh (Or)	98	72,59
3	Cây ăn được (Ed)	47	34,81
4	Cây lấy gỗ (T)	29	21,48

STT	Giá trị sử dụng	Số loài	Tỷ lệ %
5	Cây có công dụng khác (U)	22	16,30
6	Cây cho tinh dầu (Eo)	13	9,63
7	Cây cho sợi (Fb)	10	7,41
8	Cây có chất độc (Mp)	9	6,67
9	Cây cho dầu béo (Oil)	5	3,70
10	Cây cho tanin, nhựa, nhuộm (Ta)	3	2,22

Kết quả từ Bảng 5 cho thấy nhóm cây làm thuốc 135 loài (chiếm 100 %), tiếp đến là nhóm cây làm cảnh 98 loài (chiếm 72,6 %), xếp thứ ba là nhóm cây ăn được 47 loài (chiếm 34,8 %) và nhóm cây lấy gỗ 29 loài (chiếm 21,5 %) xếp thứ tư. Các nhóm còn lại chiếm tỷ lệ không cao. Nhiều loài đa công dụng và một số ít loài đơn công dụng.

3.4 Đa dạng về bộ phận sử dụng của thực vật làm thuốc

Hệ thực vật làm thuốc tại KTN HCM có 135 loài cây thuốc được khai thác sử dụng từ 8 bộ phận khác nhau và lá là bộ phận được sử dụng nhiều nhất, kết quả trình bày ở Bảng 6.

Bảng 6 Sự đa dạng các bộ phận sử dụng làm thuốc

STT	Các bộ phận sử dụng	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Lá	83	61,48
2	Toàn cây	29	21,48
3	Hoa	23	17,04
4	Quả	19	14,07
5	Hạt	14	10,37
6	Rễ	10	7,41
7	Củ	9	6,67
8	Thân	8	5,93

Từ Bảng 6 nhận thấy lá là bộ phận sử dụng chiếm ưu thế, phổ biến với 83 loài (chiếm 61,48 %), nhờ lá dễ thu hái, tái sinh nhanh và thường tích lũy hàm lượng cao các hợp chất thứ cấp có hoạt tính sinh học. Bộ phận sử dụng xếp sau lần lượt là toàn cây với 29 loài (chiếm 21,48 %), hoa có 23 loài (chiếm 17,04 %), quả với 19 loài (chiếm 14,07 %) và hạt 14 loài (chiếm 10,37 %); đây đều là các cơ quan sinh sản giàu tinh dầu, flavonoid hoặc dầu béo, được dùng phổ biến trong các bài thuốc an thần, tiêu hóa và tim mạch,... Các bộ phận sinh dưỡng được khai thác ở mức độ thấp hơn như rễ với 10 loài (chiếm 7,41 %), củ/thân rễ 9 loài (chiếm 6,67 %) và thân gỗ/vỏ 8 loài (chiếm 5,93 %).

3.5 Đa dạng về nhóm công dụng chữa bệnh

Dựa theo các tài liệu của Đỗ Tất Lợi (2011) [4], Võ Văn Chi (2012) [11], Viện Dược liệu (2016) [8], đã thống kê

được 16 nhóm bệnh chữa trị của thực vật làm thuốc tại KTN HCM, chi tiết được thể hiện trong Bảng 7.

Bảng 7 Sự đa dạng các nhóm công dụng làm thuốc

STT	Nhóm công dụng chữa bệnh	Số loài	Tỷ lệ %
1	Bệnh về đường tiêu hóa (tiêu chảy, ỉa, trực tràng, đau dạ dày,...)	55	40,74
2	Bệnh ngoài da (nhiễm trùng, vết thương, ghẻ lở, mụn nhọt, dị ứng, eczema,...)	50	37,04
3	Bệnh cảm sốt, cảm cúm, nhức đầu	40	29,63
4	Bệnh về đường hô hấp (viêm phổi, phế quản, hen, ung thư phổi,...)	30	22,22
5	Bệnh về xương khớp (thấp khớp, viêm khớp, đau lưng, gai cột sống, bở gãy xương,...)	25	18,52
6	Bồi dưỡng sức khỏe, trị suy nhược cơ thể	20	14,81
7	Bệnh về tim mạch, máu, huyết áp (huyết áp cao, suy tim, nhiễm trùng máu,...)	15	11,11
8	Bệnh về thận và đường tiết niệu (sỏi thận, viêm thận, phù do thận, yếu thận, viêm đường tiết niệu,...)	10	7,41
9	Bệnh về thần kinh, não (an thần, mất ngủ, động kinh, xuất huyết não,...)	8	5,93
10	Bệnh về gan (viêm gan (A, B,...), xơ gan, ung thư gan)	6	4,44
11	Bệnh phụ nữ (hậu sản, kinh nguyệt, viêm nhiễm,...)	5	3,70
12	Bệnh về răng miệng	5	3,70
13	Bệnh về mắt	4	2,96
14	Bệnh của trẻ con (cam, dãn, ý, khóc đêm,...)	3	2,22
15	Bệnh về sinh dục nam (viêm nhiễm,...)	2	1,48
16	Động vật cắn (rắn cắn)	1	0,74

Số liệu từ Bảng 7 cho thấy nhóm chữa bệnh đường tiêu hóa (tiêu chảy, kiết ỉa, đau bụng, đầy hơi,...) có 55 loài (chiếm 40,74 %) ưu thế nhất. Nhiều cây thuốc dân gian chuyên trị các chứng tiêu chảy, ỉa và rối loạn tiêu hóa như Cỏ sữa lá lớn (*Euphorbia hirta*) và Rau càng cua (*Peperomia pellucida*),...

Nhóm chữa bệnh về da có nhiều loài cây thuốc xếp thứ hai với 50 loài (chiếm 37,04 %). Xếp thứ ba là nhóm

chữa bệnh cảm sốt, cảm cúm, nhức đầu với 40 loài (chiếm 29,63 %), tiếp theo nhóm chữa bệnh đường hô hấp (ho, viêm phế quản, hen suyễn,...) có 30 loài (chiếm 22,22 %).

4 Kết luận

Thành phần loài thực vật làm thuốc ở KTN HCM đã xác định được 135 loài, thuộc 115 chi, 64 họ, 47 bộ, 5 lớp và 4 ngành: Magnoliophyta, Polypodiophyta, Pinophyta, Cycadophyta; trong đó ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) chiếm ưu thế với 127 loài, kế đến là ngành Dương xỉ 4 loài, ngành Thông 3 loài và ngành Tuế chỉ có 1 loài.

Có 10 họ thực vật đa dạng với hai họ đa dạng nhất với 9 loài là họ Trúc đào (Apocynaceae) và họ Cúc (Asteraceae); kế tiếp là họ Hòa thảo (Poaceae) có 8 loài; thứ ba là hai họ Cau (Arecaceae) và Dâu tằm (Moraceae) đều có 6 loài.

Hệ thực vật làm thuốc có 5 nhóm dạng sống chính với phổ dạng sống $SB = 59,26 Ph + 8,15 Ch + 4,44 Hm + 8,89 Cr + 19,26 Th$, thể hiện rõ tính chất nhiệt đới và phản ánh điều kiện khí hậu của vùng đất chua phèn nhiễm mặn tỉnh Cà Mau. Trong đó nhóm cây có chồi trên mặt đất (Ph) chiếm ưu thế với 80 loài; tiếp theo là nhóm cây có chồi một năm (Th) với 26 loài; nhóm cây có chồi sát mặt đất (Ch) có 11 loài; nhóm cây có chồi ẩn (Cr) 12 loài và nhóm cây có chồi nửa ẩn (Hm) 6 loài. Giá trị sử dụng của các loài thực vật làm thuốc tại khu vực nghiên cứu rất đa dạng, với 10 nhóm được xác định với ưu thế là nhóm làm thuốc (135 loài), tiếp sau là nhóm làm cảnh (98 loài), nhóm ăn được (47 loài). Có 8 bộ phận dùng của thực vật làm thuốc nơi đây, với lá là bộ phận được sử dụng phổ biến nhất (83 loài). Thực vật làm thuốc tại khu vực hỗ trợ điều trị cho 16 nhóm bệnh chữa trị khác nhau như nhóm chữa bệnh đường tiêu hóa (55 loài) và các nhóm chữa bệnh về da (50 loài),...

Tài liệu tham khảo

1. APG IV. (2016). *An update of the Angiosperm Phylogeny Group classification for the orders and families of flowering plants: APG IV*. Botanical Journal of the Linnean Society.
2. Bảo tàng Hồ Chí Minh-Chi nhánh Cà Mau (24/02/2018). *Khu tưởng niệm Bác Hồ tại Thành phố Cà Mau*. <https://camau.hochiminh.vn/>
3. Bộ Y tế (26/08/2024). Thông tư 13/2024/TT-BYT ban hành Danh mục dược liệu độc làm thuốc.
4. Đỗ Tất Lợi. (2011). *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*. Hà Nội: NXB Y học.
5. Nguyễn Lâm Hùng Sơn (Chủ biên), Trần Đức Hậu, Đỗ Văn Nhượng, Trần Thị Thanh Bình, Bùi Minh Hồng, Lê Trung Dũng, Nguyễn Vĩnh Thanh, Bùi Thu Hà, Nguyễn Văn Quyền. (2025). *Thực tập nghiên cứu thiên nhiên*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
6. Nguyễn Nghĩa Thìn. (2008). *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Plant of the World Online. (2025). <https://powo.science.kew.org/>
8. Viện Dược liệu. (2016). *Danh lục cây thuốc Việt Nam*. Hà Nội: NXB Khoa học và Kỹ thuật.
9. Võ Văn Chi. (2023). *Các loài cây Việt Nam*. Hà Nội: NXB Thế giới.
10. Võ Văn Chi. (2007). *Sách tra cứu tên cây cỏ Việt Nam*. TP. Hồ Chí Minh: NXB Khoa học và Kỹ thuật.
11. Võ Văn Chi. (2012). *Từ điển cây thuốc Việt Nam* (Tập 1, 2). Hà Nội: NXB Y học.
12. Võ Văn Chi. (2003-2004). *Từ điển thực vật thông dụng* (Tập 1, 2). Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Khoa học và Kỹ thuật.

Medicinal plant resources at the Ho Chi Minh memorial area, Cà Mau province

Phạm Trọng Duy¹, Phạm Thị Thanh Mai^{2*}

¹Student Faculty of Natural Sciences Teacher Education, School of Education, Dong Thap University, Viet Nam

²Faculty of Natural Sciences Teacher Education, School of Education, Dong Thap University, Viet Nam

*pttmai@dtu.edu.vn

Abstract This study was conducted to evaluate the medicinal plant resources at the Ho Chi Minh Memorial Site, Ca Mau Province, as a scientific basis for the effective exploitation, use, management, and conservation of medicinal plant resources in this area. The study results identified 135 medicinal plant species, 115 genera, 64 families, 47

orders belonging to 4 phyla: Polypodiophyta, Pinophyta, Cycadophyta, and Magnoliophyta. The flora life form here has 5 main groups with the life form spectrum $SB = 59.26 Ph + 8.15 Ch + 4.44 Hm + 8.89 Cr + 19.26 Th$. The medicinal use value of plants is recorded in 10 groups, with 135 species used as medicine, ranked second with 98 ornamental species, and third with 47 edible species. The medicinal plants here are divided into 8 parts used (leaves are the most used part with 83 species) and have 16 groups of therapeutic uses (55 species are used to treat digestive diseases, 50 species used to treat skin diseases, 40 species used to treat colds, flu, headaches).

Keywords Ca Mau, life-forms, diversity, Ho Chi Minh Memorial Area, medicinal plants